

Bản tin Phân tích kỹ thuật

08/10/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111GA000 đóng cửa với tín hiệu giảm và hợp đồng đang có khuynh hướng kiểm định lại vùng giá thấp gần nhất quanh 1.875 điểm. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế bán quanh ngưỡng 1.882 điểm, dừng lỗ tại 1.886 điểm và mục tiêu tại 1.875 điểm.

Chiến lược:

- Bán (S): 1.882 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.875 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.886 điểm

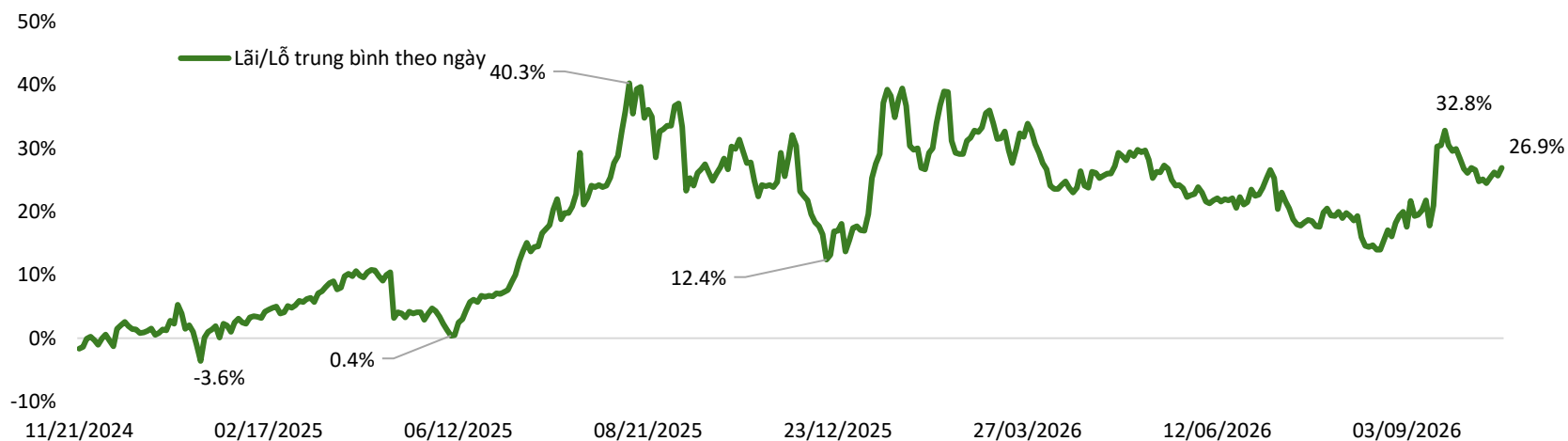
Quan điểm kỹ thuật



- VN-Index nới rộng đà giảm so với ba phiên trước khi thoái lui từ vùng 1.760 điểm, cho thấy lực bán tại khu vực này đang dần chiếm ưu thế. Diễn biến này cũng phản ánh qua độ rộng thị trường tiêu cực với 190 mã giảm so với 122 mã tăng. Về ngành, Ngân hàng, Chứng khoán và Bất động sản chịu tác động rõ hơn từ lực bán. Trong khi đó, Bán lẻ, Tiêu dùng, Vật liệu và đặc biệt là Dầu khí vẫn duy trì lực mua tương đối ổn định.
- Về mặt kỹ thuật, vùng 1.715–1.730 điểm tiếp tục giữ vai trò hỗ trợ quan trọng trong ngắn hạn và kịch bản giảm sâu chỉ được xác nhận khi khu vực này bị vi phạm. Hiện tại, đà giảm đang dần chiếm ưu thế trở lại, trong khi VN-Index cần vượt vùng 1.750 điểm để tái lập nhịp hồi phục hướng đến 1.775–1.780 điểm.
- Đánh giá xác suất các kịch bản, trạng thái cung cầu phân hóa quanh vùng 1.760 điểm đã khiến VN-Index mất đi động lực hồi phục. Tuy nhiên, áp lực bán chưa hoàn toàn chiếm ưu thế trên diện rộng. Do đó, xác suất chỉ số vi phạm vùng 1.715–1.730 điểm và mở rộng nhịp giảm về khu vực 1.650 điểm hiện vẫn thấp hơn kịch bản hồi phục trở lại với mục tiêu gần 1.775 điểm.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
SSI	24/08/2026	08/10/2026	Dừng lỗ	19,300	21,100	-8.5%	19,300	23,000		
DGW	15/09/2026		Đang mở	47,750	45,400	5.2%	42,800	56,000	44,500	
PVS	18/09/2026		Đang mở	34,200	33,000	3.6%	30,800	39,500	33,000	
VPB	08/10/2026		Đang mở	23,450	23,100	1.5%	22,500	26,400		
HDB	08/10/2026		Đang mở	28,000	28,000	0.0%	27,300	30,100		
MSB	08/10/2026		Đang mở	14,750	14,500	1.7%	14,000	15,900		
HPG	08/10/2026		Đang mở	20,150	20,200	-0.2%	19,600	21,500		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	65,700	-3.38%	-3.95%	539,714	-3.986	9,730	2.1	6.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
VIC	228,000	-0.87%	3.64%	1,769,779	-3.361	2,752	10.4	82.9	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	82,000	4.59%	0.00%	197,862	1.984	5,269	2.9	15.6	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VCB	56,600	-1.05%	-1.74%	472,931	-1.083	4,984	1.9	11.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	33,900	-1.74%	-4.37%	263,682	-1.001	4,250	1.4	8.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	29,200	-1.85%	-2.83%	226,795	-0.916	5,172	1.1	5.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	40,650	-3.21%	-3.21%	121,433	-0.852	3,780	2.8	10.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHB	10,050	-6.94%	-11.45%	53,704	-0.814	2,531	0.6	4.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	31,900	-1.24%	-3.33%	226,051	-0.611	3,829	1.3	8.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCK	26,900	-3.58%	-3.41%	65,499	-0.513	1,916	2.1	14.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	27,250	-2.50%	-4.39%	90,725	-0.496	1,858	2.0	14.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	18,900	-1.05%	-3.32%	190,299	-0.435	3,235	1.2	5.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	37,600	3.87%	2.59%	48,650	0.411	2,525	1.9	14.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
BVH	77,900	3.18%	4.56%	57,827	0.401	4,472	2.3	17.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SSI	19,050	-3.05%	-5.46%	57,175	-0.381	1,752	1.4	10.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	133,100	10.00%	23.35%	39,930	6.468	11,734	6.1	11.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
THD	81,000	-8.16%	-31.36%	31,185	-4.124	395	6.2	204.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	16,600	4.40%	21.17%	48,549	3.462	134	2.0	123.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BAB	10,000	-5.66%	-5.66%	11,526	-1.057	1,044	0.8	9.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực
SHS	11,600	-4.13%	-9.18%	10,434	-0.698	1,119	0.8	10.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIF	13,900	-8.55%	-6.08%	4,865	-0.674	1,407	1.0	9.9	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	14,700	-2.65%	-5.77%	14,714	-0.631	1,828	1.2	8.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	34,200	1.79%	0.59%	20,989	0.607	3,432	1.4	10.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PGS	82,500	7.70%	10.00%	4,125	0.515	2,718	4.1	30.4	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính
IDC	34,900	-1.97%	3.87%	14,569	-0.464	5,201	2.2	6.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MVN	67,600	-7.02%	4.16%	86,345	-0.720	2,341	5.6	30.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	68,200	4.92%	16.38%	74,744	0.438	2,207	5.2	30.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	41,300	0.98%	5.36%	148,194	0.172	3,104	2.0	13.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PAP	25,600	-14.38%	-14.67%	9,496	-0.162	-1,817	2.8	-14.6	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGI	78,100	0.39%	-3.10%	239,645	0.110	4,047	6.3	19.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGR	123,500	-4.26%	-16.33%	10,276	-0.052	6,227	9.0	20.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
AIG	45,900	-4.18%	-2.75%	9,031	-0.045	5,906	1.4	7.8	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VUA	12,400	-14.48%	-27.06%	2,575	-0.044	616	1.3	20.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PHP	49,900	-2.16%	8.24%	16,432	-0.042	3,740	2.6	13.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNZ	540,000	1.89%	1.89%	16,252	0.036	15,819	17.3	33.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

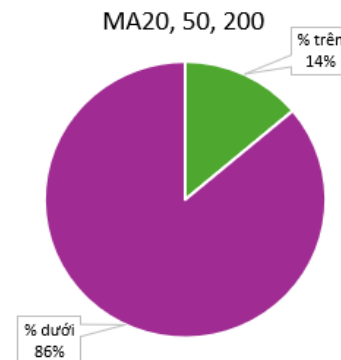
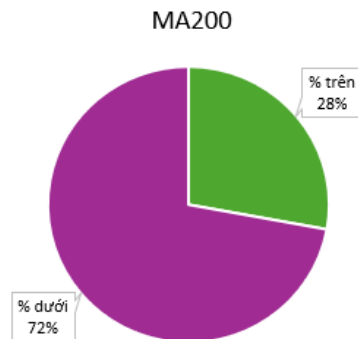
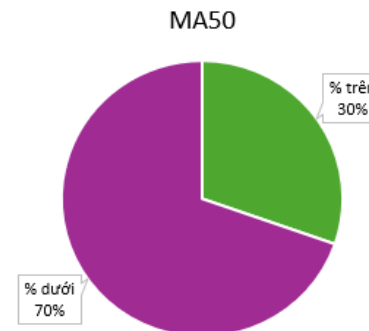
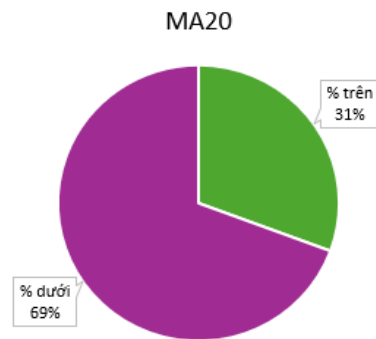
VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MSR	68,200	4.9%	166.5	115.9	21,053	65,000	5.2	30.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSB	14,750	0.7%	123.8	117.1	9,000	14,650	1.2	9.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVB	16,600	4.4%	31.3	17.8	10,200	16,500	2.0	123.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVP	25,000	1.6%	44.7	25.4	13,042	24,600	1.3	8.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CAR	32,700	9.7%	11.9	1.3	13,500	29,800	3.1	74.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HMC	10,700	1.9%	13.7	0.5	9,946	11,154	0.7	7.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
CAR	32,700	9.7%	11.9	1.3	13,500	29,800	3.1	74.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DDV	17,300	10.9%	38.4	6.8	15,600	33,915	1.1	4.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LAS	11,700	9.3%	11.2	3.2	10,557	18,635	0.9	14.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	49,050	0.5%	11.5	3.8	45,827	60,127	2.5	8.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CSV	21,500	7.0%	16.6	4.6	19,800	34,200	1.4	8.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TCX	27,250	-2.5%	62.0	79.6	27,800	43,644	2.0	14.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHB	10,050	-6.9%	461.9	478.3	10,800	17,938	0.6	4.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPX	22,800	-2.8%	12.6	23.2	23,200	33,000	1.2	7.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TPB	11,600	-1.7%	71.9	114.2	11,668	15,989	0.8	4.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LPS	16,750	-1.5%	11.1	26.7	17,000	31,800	1.3	20.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VND	13,100	-3.7%	128.0	145.7	13,300	23,180	0.9	7.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	13,250	-2.2%	39.5	70.5	13,500	32,591	0.9	9.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	14,700	-2.6%	33.2	47.8	15,100	27,024	1.2	8.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	9,610	-1.7%	59.9	105.4	9,780	19,825	0.9	61.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PDR	11,100	-0.4%	51.0	45.6	11,150	26,300	0.9	17.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	11,600	-4.1%	92.9	118.6	12,100	26,312	0.8	10.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	18,250	-3.4%	401.3	286.9	18,900	84,671	0.7	3.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CII	11,700	-2.5%	63.5	100.0	11,750	30,350	0.8	68.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	17,600	-2.5%	7.6	13.5	18,050	33,089	1.5	15.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSI	24,300	-2.2%	5.8	7.5	24,650	43,182	1.2	12.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	14,500	-1.0%	7.9	16.3	14,650	31,871	0.9	6.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	9,900	-2.9%	49.1	64.5	10,200	30,382	0.9	30.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHV	8,810	-1.1%	19.6	22.1	8,830	14,739	0.4	7.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NKG	9,150	-1.7%	12.6	15.6	9,200	16,273	0.6	27.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHS	8,580	-3.6%	6.7	10.1	8,900	19,700	0.4	168.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			08/10/2026	07/10/2026	06/10/2026	05/10/2026	02/10/2026	01/10/2026	30/09/2026	29/09/2026
VNINDEX	MA200	Trên	23%	23%	22%	22%	22%	23%	24%	24%
		Dưới	77%	77%	78%	78%	78%	77%	76%	76%
	MA50	Trên	30%	31%	31%	31%	27%	31%	33%	34%
		Dưới	70%	69%	69%	69%	73%	69%	67%	66%
	MA20	Trên	32%	30%	28%	29%	27%	30%	30%	28%
		Dưới	68%	70%	72%	71%	73%	70%	70%	72%
VN30	MA200	Trên	30%	30%	27%	27%	23%	27%	30%	33%
		Dưới	70%	70%	73%	73%	77%	73%	70%	67%
	MA50	Trên	43%	40%	43%	43%	37%	37%	47%	47%
		Dưới	57%	60%	57%	57%	63%	63%	53%	53%
	MA20	Trên	27%	27%	23%	23%	23%	27%	27%	23%
		Dưới	73%	73%	77%	77%	77%	73%	73%	77%
HNX	MA200	Trên	27%	27%	26%	26%	26%	25%	28%	27%
		Dưới	73%	73%	74%	74%	74%	75%	72%	73%
	MA50	Trên	35%	35%	34%	33%	32%	33%	31%	30%
		Dưới	65%	65%	66%	67%	68%	67%	69%	70%
	MA20	Trên	27%	27%	26%	26%	26%	25%	28%	27%
		Dưới	73%	73%	74%	74%	74%	75%	72%	73%
UPCOM	MA200	Trên	28%	28%	28%	29%	29%	28%	29%	27%
		Dưới	72%	72%	72%	71%	71%	72%	71%	73%
	MA50	Trên	29%	30%	31%	32%	31%	30%	31%	29%
		Dưới	71%	70%	69%	68%	69%	70%	69%	71%
	MA20	Trên	31%	30%	30%	31%	31%	30%	30%	29%
		Dưới	69%	70%	70%	69%	69%	70%	70%	71%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 15		Tháng 10										Tháng 9									
		08	07	06	05	02	01	30	29	28	25	24	23	22	21	18	17	16	15	14	11
1	Bán lẻ	87	88	84	83	78	77	77	75	72	75	72	71	62	57	61	57	55	55	55	60
2	Hàng & Dịch vụ Cón...	68	69	65	65	63	65	66	66	64	63	60	60	57	50	54	53	52	50	48	50
3	Dầu khí	59	59	61	60	57	62	59	71	61	53	56	73	73	78	76	79	82	80	68	57
4	Hóa chất	59	56	55	56	54	59	59	61	59	61	60	59	56	56	57	59	59	57	52	55
5	Tài nguyên Cơ bản	55	54	53	53	47	46	46	49	45	46	46	49	49	48	49	49	47	49	48	50
6	Hàng cá nhân & Gia ...	54	51	47	40	34	32	32	32	32	34	36	37	34	34	38	35	33	36	34	37
7	Thực phẩm và đồ uố...	52	49	47	47	43	42	39	40	40	41	43	43	43	43	45	44	44	44	44	45
8	Điện, nước & xăng d...	50	49	47	51	52	57	58	57	51	49	52	54	44	43	46	40	36	35	34	33
9	Xây dựng và Vật liệu	37	36	33	33	31	33	37	38	34	36	36	35	32	27	31	30	30	30	27	32
10	Ngân hàng	36	38	40	40	40	43	47	48	48	53	52	55	50	51	50	54	52	49	44	44
11	Du lịch và Giải trí	35	34	37	31	38	39	41	43	43	44	44	46	47	46	45	44	38	35	33	35
12	Bất động sản	24	25	25	24	23	23	25	25	27	30	29	31	34	32	37	36	34	35	36	37
13	Ô tô và phụ tùng	22	25	23	24	24	24	26	28	27	30	32	36	31	37	44	42	42	46	45	47
14	Dịch vụ tài chính	14	16	18	22	22	21	22	24	23	29	29	30	29	28	36	32	27	30	28	30
15	Công nghệ Thông tin	14	14	15	15	18	21	25	28	29	-	41	40	39	-	-	-	42	39	38	37

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPB	23,450	0.2%	0.6%	234,500	1.3	7.9	2,982	306.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MCH	143,500	0.6%	3.3%	187,613	10.0	26.5	5,422	66.7	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GVR	33,850	-0.4%	3.4%	135,400	2.2	19.3	1,751	100.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MSN	74,200	-1.3%	4.7%	108,360	2.7	16.0	4,629	427.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	68,200	4.9%	16.4%	74,744	5.2	30.6	2,207	166.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	77,900	3.2%	4.6%	57,827	2.3	17.4	4,472	90.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSB	14,750	0.7%	3.9%	55,224	1.2	9.4	1,573	123.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	37,600	0.3%	0.0%	50,068	2.1	6.5	5,818	12.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVB	16,600	4.4%	21.2%	48,549	2.0	123.6	134	31.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSV	133,100	10.0%	23.4%	39,930	6.1	11.3	11,734	11.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	54,200	0.0%	3.6%	35,194	2.6	13.6	3,993	70.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	150,900	0.3%	2.9%	26,983	5.6	23.7	6,359	103.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHP	49,900	-2.2%	8.2%	16,432	2.6	13.4	3,740	15.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVT	25,550	2.8%	7.6%	13,207	1.4	9.3	2,761	347.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DGW	47,750	1.2%	8.0%	10,665	2.9	12.6	3,781	71.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TVN	9,800	1.0%	7.7%	6,615	0.7	8.4	1,160	5.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGT	12,200	1.7%	8.0%	6,161	0.8	5.8	2,121	24.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TLG	54,800	0.0%	1.1%	5,290	2.1	11.5	4,776	29.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHC	39,200	-0.8%	3.0%	4,165	1.7	7.6	5,172	18.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCL	50,100	6.8%	7.7%	3,659	2.4	-1,622.0	-31	16.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BID	33,900	-1.7%	-4.4%	263,682	1.4	8.0	4,250	106.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STB	67,300	0.7%	-4.3%	126,875	2.0	41.2	1,634	268.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	20,350	-1.5%	-3.6%	118,120	1.2	7.5	2,701	150.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	59,700	0.0%	-4.8%	112,578	2.8	11.2	5,325	395.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	27,250	-2.5%	-4.4%	90,725	2.0	14.7	1,858	62.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHB	10,050	-6.9%	-11.5%	53,704	0.6	4.0	2,531	461.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	10,250	-0.5%	-1.4%	32,828	0.6	5.6	1,833	237.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIX	11,300	-3.4%	-7.0%	29,073	0.9	5.3	2,153	356.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VND	13,100	-3.7%	-4.4%	19,942	0.9	7.4	1,773	128.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	13,250	-2.2%	-3.8%	16,356	0.9	9.3	1,424	39.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	14,700	-2.6%	-5.8%	14,714	1.2	8.0	1,828	33.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	9,610	-1.7%	-5.8%	12,186	0.9	61.4	157	59.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PDR	11,100	-0.4%	-1.3%	11,076	0.9	17.9	619	51.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	46,700	0.0%	-6.6%	10,848	2.9	10.8	4,365	7.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	11,600	-4.1%	-9.2%	10,434	0.8	10.4	1,119	92.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	18,250	-3.4%	-26.3%	9,339	0.7	3.8	4,780	401.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTR	69,000	-1.8%	-3.5%	8,840	3.9	13.5	5,110	14.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	17,600	-2.5%	-6.9%	6,704	1.5	15.9	1,105	7.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSI	24,300	-2.2%	-5.1%	6,559	1.2	12.6	1,937	5.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HNG	5,900	0.0%	-4.8%	6,526	7.3	-7.1	-825	6.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PNJ	18,250	-3.44%	-26.26%	42,900	127.0%	4,780	0.7	3.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	13,250	-2.21%	-3.80%	28,800	112.5%	1,424	0.9	9.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	7,710	2.12%	-2.16%	16,000	111.9%	(354)	0.7	-21.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	9,980	-1.19%	-5.85%	21,400	111.9%	2,909	0.8	3.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	46,700	0.00%	-6.60%	98,000	109.9%	4,365	2.9	10.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	14,500	-1.02%	-4.92%	28,700	95.9%	2,298	0.9	6.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	26,300	-0.38%	-1.13%	48,900	85.2%	3,530	1.1	7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	76,100	-1.04%	6.22%	140,000	82.1%	6,661	3.1	11.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GEX	21,800	-3.75%	-8.21%	40,500	78.8%	1,049	1.4	20.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTB	29,800	1.53%	2.41%	52,000	77.2%	5,852	0.8	5.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PLC	19,200	4.92%	2.67%	31,900	74.3%	1,850	1.1	10.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DMX	76,300	-0.26%	-1.04%	130,600	70.7%	5,106	3.1	14.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NLG	21,950	1.15%	0.46%	36,800	69.6%	1,407	0.9	15.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	13,850	0.00%	0.73%	23,100	66.8%	1,976	0.7	7.0	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	29,200	-1.85%	-2.83%	48,800	64.0%	5,172	1.1	5.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	32,500	-1.96%	-8.19%	52,100	57.2%	5,603	0.8	5.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	18,900	-1.05%	-3.32%	29,600	55.0%	3,235	1.2	5.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VRE	23,100	-0.65%	-4.35%	35,600	53.1%	3,191	1.1	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	59,700	0.00%	-4.78%	90,300	51.3%	5,325	2.8	11.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	9,610	-1.74%	-5.78%	14,600	49.3%	157	0.9	61.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn